

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 1642/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 02 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Vinh và xóm Đức Thịnh (nay là xóm Đức Thịnh), xã Hưng Lộc, thành phố Vinh (giai đoạn 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Vinh và xóm Đức Thịnh (nay là xóm Đức Thịnh), xã Hưng Lộc, thành phố Vinh (giai đoạn 1) tại Công văn số 970/PTQĐ-ĐTXD ngày 06/6/2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vinh về việc chỉnh sửa và đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 4384/STNMT-BVMT ngày 02/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Vinh và xóm Đức Thịnh (nay là xóm Đức Thịnh), xã Hưng Lộc, thành phố Vinh (giai đoạn 1) (sau đây gọi tắt là Dự án) do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vinh làm chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xóm Đức Vinh và xóm Đức Thịnh (nay là xóm Đức Thịnh), thành phố Vinh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Vinh; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vinh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./T

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
HẠ TẦNG KHU QUY HOẠCH CHIA LÔ ĐẤT Ở DÂN CƯ TẠI
XÓM ĐỨC VINH VÀ XÓM ĐỨC THỊNH (NAY LÀ XÓM ĐỨC THỊNH),
XÃ HUNG LỘC, THÀNH PHỐ VINH (GIAI ĐOẠN 1)**

(kèm theo Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 02/7/2024

của UBND tỉnh Nghệ An)

1. Thông tin về dự án.

1.1. Thông tin chung.

- Tên dự án: Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Vinh và xóm Đức Thịnh (nay là xóm Đức Thịnh), xã Hưng Lộc, thành phố Vinh (giai đoạn 1).

- Địa điểm thực hiện: xóm Đức Thịnh, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

- Chủ dự án: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Vinh

+ Đại diện: Ông Nguyễn Văn Tứ, Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ: Số 27, đường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: theo Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 và Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch và phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, tổng diện tích của dự án là 50.422,89m².

- Quy mô: tổng diện tích là 50.422,89m², trong đó diện tích đất chia lô 19.237,37m² (113 lô); diện tích đất thương mại dịch vụ 709,54m²; diện tích đường giao thông 24.627,77m²; diện tích mương thoát nước 475,81m²; diện tích đất cây xanh -TĐTT 3.811,69m²; diện tích xây dựng bãi đậu xe 1.560,71m².

1.3. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.3.1. Các hạng mục công trình:

- Các hạng mục công trình chính

+ San nền: diện tích san nền 26.445,60m² (đã trừ diện tích đường giao thông, vỉa hè), cao độ san nền trong các khu chia lô +2,40m. Cao độ thiết kế tim đường từ +2,75m đến +4,1m;

+ Hệ thống giao thông: xây dựng 06 tuyến đường trong khu quy hoạch với chiều dài 1.811,75m. Kết cấu mặt đường: thảm bê tông nhựa C19 dày 6cm, bó vỉa bằng bê tông xi măng, vỉa hè lát gạch terrazo.

- Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

+ Hệ thống cấp điện, chiếu sáng: xây dựng trạm biến áp 400kVA - 22/0,4kV; xây dựng đường dây hạ thế 0,4kV. Thực hiện di dời đường điện trung thế 22 kV đi trong khu vực dự án.

+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt: nguồn cấp nước cho khu quy hoạch lấy từ tuyến ống HDPE DN 225 nằm phía Đông đường Lê Viết Thuật thuộc mạng lưới cấp nước sạch thành phố Vinh.

1.3.2. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

a. Hệ thống thoát nước mưa

+ Hệ thống thoát nước mưa bằng cống tròn, đúc sẵn. Chiều dài theo chiều dài các tuyến đường, tổng chiều dài 2.599,04m; hệ thống mương dọc thu nước từ đường hiện trạng cạnh khu quy hoạch và đấu nối với mương dọc cũ trên đường Trần Trung Quang, tổng chiều dài 244,30m.

b. Hệ thống thoát nước thải

+ Mương thoát nước thải dài 526,3m, khẩu độ B=0,4m; Cống hộp qua đường khẩu độ B=0,4m dài 26m; hố ga 03 cái;

+ Bể xử lý 03 ngăn lắng - lọc - khử trùng, dung tích 60m³.

1.3.3. Các hoạt động của dự án:

a. Giai đoạn xây dựng

- Giải phóng mặt bằng;
- Đào vét bùn, đất hữu cơ trên bề mặt khu vực thực hiện dự án;
- Vận chuyển khối lượng đất thải bùn hữu cơ không thích hợp đến khu vực tập kết;
- Vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ san gạt, lu lèn đất san lấp san nền;
- Hoạt động san gạt, lu lèn đất san lấp san nền;
- Hoạt động xây dựng các hạng mục: hệ thống đường giao thông; hệ thống mương thoát nước mưa, thoát nước thải, cống qua đường; hệ thống cấp điện, cấp nước.

b. Giai đoạn hoạt động

- Xây dựng nhà ở dân dụng của các hộ gia đình mua đất;
- Hoạt động sinh hoạt của dân cư trong khu dự án;
- Hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ;
- Hoạt động tham gia giao thông của dân cư trong khu vực dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 02 vụ trở lên với diện tích là 45.344,8m², có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

Hoạt động thu dọn thảm thực vật, bóc bùn đất hữu cơ, đào đắp san lấp mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu thi công, xây dựng các hạng mục công trình tác

động đến môi trường đất, nước mặt, không khí của khu vực dự án. Bụi, tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động của máy móc thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại dự án cũng như vùng lân cận. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng công trình tác động đến môi trường đất, không khí và nước mặt khu vực dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành:

Hoạt động xây dựng nhà ở, hoạt động thương mại dịch vụ, sinh hoạt hàng ngày của các hộ dân phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải tác động đến môi trường không khí, đất và nước mặt. Bụi, khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào dự án, từ hoạt động đun nấu tại các hộ gia đình ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí.

3. Dự báo các tác động của môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 2,0 m³/ngày; thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh;

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe, thiết bị dụng cụ thi công,... khoảng 2,0 m³/ngày; thành phần nước thải thi công chứa nhiều cặn lơ lửng, vôi vữa, xi măng, có độ pH cao;

- Nước mưa chảy tràn thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, đá,... Lưu lượng phát sinh lớn nhất ước tính: 191 m³/h.

b. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các hộ gia đình trong khu dân cư lưu lượng khoảng 90m³/ngày.đêm; thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh;

- Nước mưa chảy tràn thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, đá,... Lưu lượng phát sinh lớn nhất ước tính: 191 m³/h.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Bụi phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục công trình;

- Khí thải phát sinh từ các loại máy móc, phương tiện vận tải hoạt động thi công xây dựng công trình. Thành phần chứa chủ yếu trong khí thải: CO, NO_x, SO₂, VOC,...

b. Giai đoạn vận hành:

- Bụi phát sinh từ sân nền đường nội bộ khu vực;

- Khí thải phát sinh từ các loại phương tiện giao thông ra vào khu dân cư và hoạt động đun nấu của các gia đình trong khu vực. Thành phần chứa chủ yếu trong khí thải: CO, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 20 kg/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, giấy, bao bì nilon...); chất thải thực phẩm (thực phẩm rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (mảnh vỡ thủy tinh, thùng xốp loại bỏ...).

- Chất thải rắn xây dựng: phát sinh từ hoạt động bóc lớp hữu cơ: 11.336,2m³; khối lượng bao bì xi măng, nguyên vật liệu dư thừa, sắt thép vụn,...: khoảng 30 kg/ngày.

b. Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động hàng ngày của các hộ gia đình lượng phát sinh khoảng 650 kg/ngày; thành phần: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, giấy, bao bì nilon...); chất thải thực phẩm (thực phẩm rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (mảnh vỡ thủy tinh, thùng xốp loại bỏ...).

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: phát sinh chủ yếu từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc và các phương tiện thi công, khối lượng phát sinh khoảng 05 kg/tháng; thành phần chủ yếu là giẻ lau có dính dầu mỡ, pin, ắc quy hỏng...

- Giai đoạn vận hành: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình; khối lượng không đáng kể (ước tính 2,4 kg/năm/hộ gia đình) thành phần chủ yếu là: giẻ lau có dính dầu mỡ, dầu mỡ thải, pin, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy hỏng, bảng mạch điện tử,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Tiếng ồn: từ hoạt động của các phương tiện máy móc, thiết bị đào đắp, vận chuyển nguyên vật liệu thi công (máy đào, máy trộn bê tông, xe tải,...);

- Độ rung: từ hoạt động của các máy móc lớn thi công san lấp, lu lèn, vận chuyển nguyên vật liệu.

b. Giai đoạn vận hành:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của khu dân cư, phương tiện giao thông ra vào khu vực và thi công xây dựng nhà ở của các hộ dân.

3.4. Tác động khác:

- Tác động do chiếm dụng đất: dự án sẽ thu hồi, chuyển đổi lâu dài mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của địa phương có thể ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân bị thu hồi đất;

- Tác động đến an toàn giao thông từ các máy móc, phương tiện thi công;
- Tác động đến khu dân cư xung quanh khu vực dự án;
- Tác động đến hệ sinh thái khu vực dự án;
- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: sự cố cháy nổ, chập điện, mưa bão, ngập lụt, tai nạn giao thông.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn: ưu tiên thi công hạng mục mương thoát nước mưa xung quanh dự án; hố lắng nước mưa chảy tràn dung tích 5m³.

- Nước thải sinh hoạt: lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động 03 buồng dung tích bồn nước 1.700l, bồn phân 1.400l tại khu vực lán trại; định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý;

- Nước thải xây dựng: chủ yếu nước xịt rửa xe; bố trí 01 điểm rửa xe khu vực trước cổng ra vào khu vực Dự án. Hố lắng được thiết kế gồm 2 ngăn, dung tích 5m³, có lớp bạt HDPE liền từ đáy lên thành, phía trên thành được đắp cao hơn môi trường xung quanh và cố định bằng bê tông. Sử dụng ống nhựa HDPE đường kính D100 để thu gom nước thải từ các vị trí phát sinh. Nước thải sau khi lắng cơ học, sẽ được tuần hoàn sử dụng lại để phun dập bụi, tưới đường.

b. Giai đoạn vận hành:

- Nước mưa chảy tràn: hướng thoát nước chính từ Tây Nam sang phía Đông Bắc, nước mưa được thu gom theo hệ thống mương với tổng chiều dài 2.599,04m, rãnh dọc các tuyến đường nội bộ trong khu vực qua các cống đầu nối với mương thoát nước trên đường Trần Trùng Quang rồi dẫn ra sông Rào Đùng.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Trước khi chưa kết nối hạ tầng: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh và nước thải tắm giặt, sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình... được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ gia đình, dẫn thoát ra mương thoát nước thải sau các lô đất và được dẫn về bể xử lý 03 ngăn có tổng thể tích 60m³ đặt ngầm tại khu vực cây xanh Dự án. Nước thải được dẫn vào ngăn lắng, tự chảy qua ngăn lọc rồi qua ngăn khử trùng được châm chlorine (nồng độ trung bình 3-5 mg/l) sau đó được

dẫn ra sông Rào Đùng cạnh dự án. Bùn thải và vật liệu lọc định kỳ 02 năm/lần sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định; đồng thời thực hiện thay mới lớp vật liệu lọc.

+ Nguồn tiếp nhận: sông Rào Đùng;

+ Tọa độ tiếp nhận nước thải: X(m): 2069440; Y(m): 601749;
(theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

+ Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ/ngày.đêm).

+ Lưu lượng xả lớn nhất: $90 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Sau khi kết nối hạ tầng: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh (được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ gia đình) và nước thải sinh hoạt khác của các hộ gia đình được thu gom bằng hệ thống bể 03 ngăn sau đó dẫn vào đường ống thoát nước thải phía Tây Bắc dự án và được đấu nối vào đường ven Sông Lam, và dẫn về trạm xử lý nước thải tại xã Hưng Hòa để xử lý với công suất $93.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom xử lý nước mưa chảy tràn khu vực dự án phải được xử lý lắng cặn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận;

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường;

- Việc xử lý nước thải từ dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Các hạng mục trang thiết bị giúp hạn chế bụi trong quá trình thi công và vận chuyển nguyên vật liệu bao gồm: hệ thống bơm, vòi bơm tưới ẩm, bạt che phủ; thực hiện tưới ẩm 02 lần/ngày;

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển, thi công có chứng nhận kiểm định và thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng các loại máy móc thi công để giảm bớt ô nhiễm do khí thải;

- Các phương tiện vận chuyển, bãi tập kết nguyên vật liệu được che phủ bạt nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi khuếch tán.

b. Giai đoạn vận hành:

- Vệ sinh sạch sẽ trong khuôn viên khu dân cư nhằm hạn chế bụi cuốn theo các phương tiện giao thông hàng ngày ra vào khu vực;

- Đối với rác thải sinh hoạt phải được vận chuyển hàng ngày, không tập trung lâu ngày gây phân hủy làm phát sinh các loại khí thải như CH_4 , H_2S , NH_3 ,... và mùi hôi thối vào môi trường không khí. Định kỳ kiểm tra, khơi thông mương

thoát nước thải và nắp đậy hố ga, không để các loại khí thải sinh ra từ quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ trong nước thải phát tán vào môi trường không khí;

- Trong khuôn viên khu dân cư, trên vỉa hè được thiết kế trồng các bồn cây xanh, vừa tạo cảnh quan vừa giảm thiểu phát tán bụi, tạo không khí mát mẻ, trong lành;

- Khuyến khích người dân dùng các loại nhiên liệu đốt phù hợp, thân thiện với môi trường (gas, điện,...), hạn chế sử dụng các loại nhiên liệu như than đá hoặc đốt rác, túi nilong,...

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 03 thùng nhựa dung tích 120 lít có màu/lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có nắp đậy, dán nhãn để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện như sau:

- 01 thùng đựng chất thải có thể tái chế có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy,... chuyển giao cho cơ sở thu mua phế liệu theo quy định;

- 01 thùng đựng chất thải thực phẩm như rau, củ quả, thức ăn thừa,... phối hợp với các hộ gia đình và các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý;

- 01 thùng đựng chất thải chất thải sinh hoạt khác (không có khả năng tái sử dụng, tái chế) như: túi nilon, hộp đựng thực phẩm,... hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý.

* Chất thải rắn xây dựng:

Đất bóc hữu cơ với khối lượng 11.336,2m³ sẽ được tận dụng khoảng 2.000m³ để bồi đắp tầng mặt khu quy hoạch trồng cây xanh trong khuôn viên dự án, phần còn lại khoảng 9.336,2m³ được vận chuyển ra khu vườn ươm xóm 10, xã Nghi Kim, thành phố Vinh.

- Chất thải rắn do quá trình thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng như bao xi măng, sắt thép vụn,... thu gom và bán phế liệu hàng ngày;

+ Bê tông hỏng, vôi vữa hỏng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng... được tận dụng san lấp mặt bằng thi công san nền;

+ Ván cốp pha, cọc chống hỏng trong và sau khi thi công dự án được thu gom và bán cho nhân dân trong vùng để sử dụng vào các mục đích khác như đun nấu hoặc sử dụng lại cho các công trình xây dựng khác;

+ Đối với đất đào hố móng: sử dụng cho làm đường giao thông, trong việc hoàn lấp hố móng và san lấp mặt bằng.

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn được thu gom vào các thùng chứa chuyên dùng có màu/lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có nắp đậy, dán nhãn để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn được thực hiện như sau:

+ Đối với chất thải có thể tái chế có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy,... các hộ tự thu gom vào các thùng đựng rồi định kỳ chuyển giao cho cơ sở thu mua phế liệu theo quy định;

+ Đối với chất thải thực phẩm như rau, củ quả, thức ăn thừa,... phối hợp với các hộ gia đình và các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc vận chuyển đến điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt của địa phương để hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý;

+ Đối với chất thải sinh hoạt khác (không có khả năng tái sử dụng, tái chế) như: túi nilon, hộp đựng thực phẩm,... vận chuyển đến điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt của địa phương để hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý;

+ Đối với hoạt xây dựng nhà ở nhỏ lẻ của người dân: chỉ đạo, giám sát các hộ gia đình trong khu vực dự án khi thi công các hạng mục công trình nhà ở thực hiện đầy đủ quy định về bảo vệ môi trường về chất thải xây dựng (đất đá đào móng, bao bì), chất thải sinh hoạt, hạn chế sử dụng chất thải nhựa dùng một lần, nước thải thi công móng...

- Đối với khu vực công cộng, sân đường nội bộ: tại các vị trí công cộng trong khuôn viên dự án, các trục đường (các lối đi lại trong khuôn viên,...) bố trí các cụm thùng rác nhỏ với khoảng cách của các thùng rác từ 80-100m/thùng để thuận tiện cho việc vệ sinh thu gom. Số lượng thùng 45 thùng (3 thùng/vị trí).

- Đối với khu nhà ở các hộ dân: sau khi người dân vào sinh sống tại trong khu vực quy hoạch đất ở chia lô, các chất thải phát sinh sẽ do các hộ dân này sẽ tự thu gom, phân loại rác tại gia đình và nộp phí thu gom, xử lý rác thải cho đơn vị thực hiện thu gom và vận chuyển tại địa phương theo đúng quy định.

- Thường xuyên phổ biến các quy định về vệ sinh môi trường đối với các hộ dân. Thực hiện tuyên truyền cho người dân trong khu vực thực hiện phân loại rác thải theo quy định.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng dự án và hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022

của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại 10m² phía Nam công trường, kho được che chắn kín bằng tôn, nền đắp cao hơn khu vực xung quanh, gắn biển cảnh báo kho lưu giữ chất thải nguy hại; bố trí 03 thùng composite dung tích 120l có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo (02 thùng đựng chất thải nguy hại dạng rắn, 01 thùng đựng chất thải nguy hại dạng lỏng). Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định.

b. Giai đoạn vận hành:

Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn phương pháp, khuyến khích các hộ tự thu gom, phân loại, lưu trữ riêng chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng dự án và hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Thường xuyên bảo trì các máy móc, thiết bị, phương tiện thi công xây dựng;
- Công nhân thi công trên công trường được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn như: mũ, quần áo bảo hộ lao động,...

b. Giai đoạn vận hành:

Dự án có số lượng các hộ dân ít, không có các công trình thương mại dịch vụ, họp chợ nên tiếng ồn phát sinh trong khu dân cư không đáng kể. Ngoài ra, trong các tuyến đường nội bộ khu dân cư để các biển báo hạn chế dùng còi, giảm tốc độ khi vào khu vực dân cư.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Lắp đặt các biển cảnh báo, tuyên truyền, phổ biến người dân trên các tuyến đường để nhắc nhở về tình trạng giao thông và những tai nạn giao thông có thể xảy ra.

- Biện pháp phòng ngừa các sự cố cháy nổ: thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy chữa cháy.

- Phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai:

+ Trước khi có mưa bão cần phải che kín, chằng chống lại kho bãi chứa vật liệu xây dựng và kiểm tra hệ thống điện hoặc cắt điện trong trường hợp cần thiết.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thoát nước xung quanh các công trình xây dựng để đảm bảo được khả năng tiêu thoát nước tốt nhất, đặc biệt là trước và sau mỗi thời điểm mưa lớn, bão lũ xảy ra.

+ Các khu vực bố trí bãi tập kết vật liệu xây dựng phải ở các khu vực có địa hình cao ráo, có hệ thống tiêu thoát tốt và gần các trục đường giao thông để thuận lợi cho các hoạt động thu dọn và vận chuyển khi có bão, lũ xảy ra.

+ Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết để có sự chuẩn bị và biện pháp ứng phó khi thiên tai xảy ra.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân tham gia thi công tại công trường.

b. Giai đoạn vận hành

- Biện pháp phòng ngừa các sự cố cháy nổ: thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy chữa cháy.

- Định kỳ hàng năm nạo vét các tuyến mương để khơi thông dòng chảy; duy tu, sửa chữa hệ thống nắp chắn rác, hố ga, mương thoát nước.

- Mỗi nhà dân tiến hành lắp đặt hệ thống chống sét.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

Thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân và tiến hành thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn thi công, xây dựng:

* Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại:

- Vị trí giám sát: tại khu vực lán trại và công trường thi công;

- Giám sát khối lượng và việc phân loại, thu gom chất thải rắn phát sinh hàng ngày.

* Giám sát khác: giám sát ngập lụt cục bộ khu vực thực hiện dự án và khu vực dân cư tiếp giáp phía Tây Nam dự án.

5.2. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn vận hành:

* Giám sát chất thải rắn thông thường

- Vị trí giám sát: các điểm bố trí thùng rác thải sinh hoạt của dự án;

- Giám sát khối lượng và việc phân loại, thu gom chất thải rắn phát sinh hàng ngày.

* Giám sát khác: giám sát các sự cố môi trường, sự cố cháy nổ, chập điện...

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau

6.1. Chỉ được triển khai dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa theo quy định. Chỉ được thi công xây dựng trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp thẩm quyền cho phép.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và hoạt động của Dự án.

6.3. Thực hiện khoanh định ranh giới dự án, xác định các địa bàn làm công trường thi công và đổ thải các loại bùn thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án.

6.4. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa; ứng phó sự cố; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố, an toàn giao thông đường bộ, quản lý đất đai và các quy phạm pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

6.5. Chỉ đạo các hộ gia đình xây dựng công trình xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

6.6. Chính sửa báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.7. Cam kết thực hiện các nội dung theo đã thỏa thuận, thống nhất tại Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư tại xóm Đức Vinh và xóm Đức Thịnh, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh và ý kiến tham vấn trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân xã Hưng Lộc, thành phố Vinh.

6.8. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của Dự án.

6.9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.